

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mạc Thị Ngân

2. Bà Phạm Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1984;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 1, đường T, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường S

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài B - Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Số 289 T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3.2. Chị Dương Thị T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 6, đường T, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Những người làm chứng:

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 1, đường T, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 6, đường T, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh H, ông B, chị T1, bà P, bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Đặng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh H chung sống với nhau từ năm 2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước đó, chị đã chung sống với một người đàn ông khác nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi người đàn ông này chết thì chị gặp anh H. Chị được biết anh H đã có vợ là chị Dương Thị T1 nhưng anh H và gia đình anh H nói là anh H đã ly hôn với chị T1 xong. Do vậy, chị và anh H đã về chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở số nhà 3, ngõ 1, đường T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chị và anh H có con thì đến ngày 07/02/2017, chị và anh H mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S. Khi đăng ký kết hôn, chị có nộp tờ khai đăng ký kết hôn và ký vào giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn. Còn thủ tục cụ thể thế nào thì chị cũng không nhớ rõ.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H đã bắt đầu mãi chơi, hay uống rượu, không lo lắng gì tới gia đình và thường xuyên đánh chửi, xúc phạm chị. Giữa chị và phía gia đình chồng cũng thường xuyên xảy ra bất hòa. Từ tháng 4/2019, chị về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2015. Hiện tại, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị đang bán hàng tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng. Chị ở chung với bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ chị cũng tạo điều kiện cho chị về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị chăm sóc con. Chị hoàn toàn có đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Mạnh H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2008, chị Dương Thị T1 trình bày: Chị và anh H đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/7/2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường S trên cơ sở tự nguyện. Sau đó, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở số nhà 3, ngõ 1, đường T, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do mâu thuẫn gia đình nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân. Năm 2012, do vợ chồng không còn tình cảm nên chị có làm đơn xin ly hôn với anh H, nhưng anh H không đến tòa án làm việc. Do vậy, chị đã rút đơn ly hôn. Sau đó, anh H lại làm đơn ly hôn với chị gửi vào tòa nhưng lại rút đơn. Chị và anh H hiện tại vẫn chưa ly hôn xong. Vợ chồng từ đó đến nay vẫn sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị được biết là anh H đã đăng ký kết hôn với chị T và chị T hiện đang xin ly hôn với anh H, quan điểm của chị là đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

- Quá trình làm việc, Ủy ban phường S cung cấp: Bản sao sổ đăng ký kết số 01 năm 2008, tại số thứ tự 113 thể hiện anh Nguyễn Mạnh H và chị Dương Thị T1 có đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/7/2008, chưa thể hiện anh H và chị T1 đã ly hôn. Sổ đăng ký kết hôn số 01 năm 2017, số thứ tự 15, thể hiện anh Nguyễn Mạnh H và chị Đặng Thị T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/02/2017. Trong sổ thể hiện chị T, anh H đăng ký kết hôn lần thứ nhất. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường S còn cung cấp hồ sơ đăng ký kết hôn giữa chị T và anh H gồm có: Tờ khai đăng ký kết hôn ngày 07/02/2017 thể hiện chị T, anh H kết hôn lần thứ nhất; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận đối với chị T.

Theo quan điểm của Ủy ban nhân dân phường S việc đăng ký kết hôn giữa chị T và anh H khi anh H và chị T1 chưa ly hôn là vi phạm chế độ một vợ một chồng. Nguyên nhân là do việc khai báo không trung thực từ phía anh H. Ủy ban phường sẽ xem xét để xử lý trách nhiệm của những người liên quan. Còn hiện tại chị T xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết việc nuôi con, quan điểm của Ủy ban nhân dân phường là đề nghị Tòa án cứ tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị H - mẹ đẻ chị T1 xác định chị T1 và anh H đăng ký kết hôn ngày 30/7/2008 tại UBND phường Sao Đỏ. Sau đó, do mâu thuẫn nên chị T1 và anh H đã sống ly thân và làm đơn xin ly hôn gửi đến tòa án. Không hiểu tại sao sau đó chị T1 và anh H lại rút đơn. Hiện tại, chị T1 và anh H vẫn chưa ly hôn. Sau này, gia đình bà được biết anh H có kết hôn và chung sống với chị T, nhưng do gia đình bà xác định chị T1 và anh H không đoàn tụ với nhau được nên không có ý kiến gì. Nay chị T xin ly hôn anh H, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Trần Thị P - mẹ đẻ anh H xác định: Năm 2008, anh H có đăng ký kết hôn với chị Dương Thị T1. Do mâu thuẫn nên chị T1 và anh H sống ly thân. Đến năm 2012, anh H và chị T1 có làm đơn ly hôn gửi đến tòa án, nhưng bà không rõ là anh H và chị T1 đã ly hôn xong chưa. Cũng trong năm 2012, anh H chung sống với chị T, sau đó đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S. Chị T1 và gia đình chị T1 biết nhưng cũng không có ý kiến gì. Quá trình chung sống chị T và anh H mâu thuẫn thế nào thì bà không nắm được, chỉ biết là vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay. Nay chị T xin ly hôn anh H, quan điểm của bà là đề nghị tòa án giải

quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà P xác định vợ chồng chị T, anh H có 01 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2015. Hiện tại, con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, quan điểm của bà là nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì anh H công việc không ổn định, gia đình bà cũng khó khăn nên không giúp đỡ được gì. Hiện tại chị T vẫn chăm sóc tốt cho con.

- Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Đức P - Cán bộ phụ trách kho lưu trữ của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thể hiện: Ngày 03/4/2012, tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn số 67/2012/TLST-HNGĐ giữa chị Dương Thị T1 và anh Nguyễn Mạnh H, sau đó, chị T1 xin rút đơn khởi kiện và tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 17/2012/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2012; Ngày 15/8/2012, tòa án thụ lý vụ án ly hôn số 198/2012/TLST-HNGĐ giữa anh H và chị T1. Sau đó, anh H lại rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 48/2012/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2012. Hiện tại, chị T1 và anh H chưa giải quyết ly hôn xong.

Tại phiên tòa:

Chị T, chị T1, đại diện Ủy ban nhân dân phường S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử bác yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T với anh Nguyễn Mạnh H. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H. Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2015 cho chị Đặng Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn,

giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị T, chị T1, đại diện Ủy ban nhân dân phường S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Mạnh H cư trú tại: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị T khởi kiện xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường S khi anh H và chị Dương Thị T1 đang là vợ chồng. Do vậy, việc kết hôn của chị T với anh H đã vi phạm điều cấm của pháp luật cũng như điều kiện kết hôn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Mặc dù, chị T yêu cầu được ly hôn anh H, nhưng xét việc kết hôn của chị T và anh H là trái pháp luật. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, xử bác yêu cầu ly hôn của chị T và quyết định hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2015. Hiện tại, con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện tại: Chị T đang bán hàng tại nhà, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Con chung là Nguyễn Mạnh T được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, khỏe mạnh, ngoan ngoãn và được học hành đầy đủ. Anh H làm lao động tự do, thu nhập không ổn định và không được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía gia đình. Do vậy, cần căn cứ Điều 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị T về việc giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo tính ổn định cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý kiến tự nguyện của chị T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Đối với việc đăng ký kết hôn giữa chị T và anh H là vi phạm điều cấm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình; có dấu hiệu của việc vi phạm hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã làm công văn gửi Ủy ban nhân dân phường S xem xét để giải quyết theo thẩm quyền.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử bác yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T với anh Nguyễn Mạnh H.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H.

Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 27/3/2015 cho chị Đặng Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002858 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường S (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang